

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, xã Minh Khai, huyện Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		833,785,522,290	740,050,183,887
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	43,123,321,326	82,723,564,103
1. Tiền	111		14,023,321,326	42,723,564,103
2. Các khoản tương đương tiền	112		29,100,000,000	40,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10,387,880,000	39,855,378,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	26,405,589,786	40,189,858,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(16,017,709,786)	(334,480,000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		373,807,191,611	323,786,688,652
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	356,498,379,218	285,681,491,114
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	7,941,063,318	25,122,835,406
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	11,532,691,275	12,982,362,132
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(2,164,942,200)	-
IV. Hàng tồn kho	140		308,758,881,254	218,645,092,187
1. Hàng tồn kho	141	V.8	308,758,881,254	218,645,092,187
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		97,708,248,099	75,039,460,945
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	2,780,952,795	2,058,329,447
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2,699,993,447	16,175,431,801
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1,038,307,583	123,146,142
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	91,188,994,274	56,682,553,555

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, xã Minh Khai, huyện Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		833,785,522,290	740,050,183,887
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	43,123,321,326	82,723,564,103
1. Tiền	111		14,023,321,326	42,723,564,103
2. Các khoản tương đương tiền	112		29,100,000,000	40,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10,387,880,000	39,855,378,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	26,405,589,786	40,189,858,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(16,017,709,786)	(334,480,000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		373,807,191,611	323,786,688,652
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	356,498,379,218	285,681,491,114
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	7,941,063,318	25,122,835,406
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	11,532,691,275	12,982,362,132
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(2,164,942,200)	-
IV. Hàng tồn kho	140		308,758,881,254	218,645,092,187
1. Hàng tồn kho	141	V.8	308,758,881,254	218,645,092,187
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		97,708,248,099	75,039,460,945
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	2,780,952,795	2,058,329,447
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2,699,993,447	16,175,431,801
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1,038,307,583	123,146,142
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	91,188,994,274	56,682,553,555

Quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		939,112,897,581	630,511,230,166
I. Nợ ngắn hạn		310		869,561,478,438	490,475,203,614
1. Vay và nợ ngắn hạn		311	V.19	746,341,335,097	376,254,786,815
2. Phải trả người bán		312	V.20	82,009,453,224	79,987,869,226
3. Người mua trả tiền trước		313		607,338,915	176,049,110
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		314	V.21	7,104,695,296	8,158,736,945
5. Phải trả người lao động		315		3,455,995,957	4,448,198,948
6. Chi phí phải trả		316	V.22	11,046,882,203	9,020,304,840
7. Phải trả nội bộ		317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	V.23	14,297,076,372	12,040,748,803
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		323	V.24	4,698,701,374	388,508,927
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		327		-	-
II. Nợ dài hạn		330		69,551,419,143	140,036,026,552
1. Phải trả dài hạn người bán		331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ		332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác		333	V.25	1,096,825,000	1,123,825,000
4. Vay và nợ dài hạn		334	V.26	68,192,190,431	138,649,797,840
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		336		262,403,712	262,403,712
7. Dự phòng phải trả dài hạn		337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện		338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		373,971,212,482	392,713,043,918
I. Vốn chủ sở hữu		410	V.26	373,971,212,482	392,713,043,918
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411		267,107,230,000	250,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần		412		69,047,988,652	69,047,988,652
3. Vốn khác của chủ sở hữu		413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ		414		(9,976,769,000)	(2,446,724,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		416		297,500,294	4,811,480,609
7. Quỹ đầu tư phát triển		417		4,191,115,097	1,425,236,659
8. Quỹ dự phòng tài chính		418		2,095,557,549	712,618,330

Quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	41,208,589,890	69,162,443,668
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421	-	-
12.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422	-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
1.	Nguồn kinh phí	432	-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433	-	-
C -	LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	1,313,084,110,063	1,023,224,274,084

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quỳnh

Nguyễn Thị Quỳnh

(10) Kế toán trưởng

Trần Thị Thu

Trần Thị Thu

Lập ngày 25 tháng 01 năm 2012

Tổng Giám đốc



Lê Hoàng Hà

Lê Hoàng Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2, CN1, Cụm CN Vừa và Nhỏ Từ Liêm - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý IV Năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	541,643,486,420	495,919,400,256	1,826,715,534,206	1,378,448,371,452
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	1,039,661,176	-	2,099,949,485	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		540,603,825,244	495,919,400,256	1,824,615,584,721	1,378,448,371,452
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	479,343,248,106	438,742,971,915	1,604,391,129,100	1,171,662,349,114
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		61,260,577,138	57,176,428,341	220,224,455,621	206,786,022,338
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	8,858,270,037	40,372,905,414	23,024,656,537	60,641,190,196
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	49,497,912,326	21,630,849,530	146,429,267,229	92,519,095,568
Trong đó: chi phí lãi vay	23		39,959,102,357	16,549,858,838	104,225,375,395	62,897,230,212
8. Chi phí bán hàng	24	VI.6	12,988,287,819	19,398,524,394	45,412,387,754	58,074,691,150
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	9,379,583,480	6,397,729,505	30,066,500,908	22,420,754,840
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1,746,936,450)	50,122,230,326	21,340,956,267	94,412,670,976
11. Thu nhập khác	31	VI.8	268,173,332	293,591,290	11,043,323,030	7,524,310,090
12. Chi phí khác	32	VI.9	3,624,674	2,195,361,547	9,964,887,072	5,567,155,142
13. Lợi nhuận khác	40		264,548,658	(1,901,770,257)	1,078,435,958	1,957,154,948

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-	-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(1,482,387,792)	48,220,460,069	22,419,392,225	96,369,825,924
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51			4,899,443,556	4,811,765,869	17,179,501,665
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(1,482,387,792)	43,321,016,513	17,607,626,356	79,190,324,259
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-	-	-

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quỳnh

Nguyễn Thị Quỳnh

Ký Kế toán trưởng

Trần Thị Thu

Trần Thị Thu

Đã lập ngày 25 tháng 01 năm 2012

Tổng Giám đốc



Lê Hoàng Hà

Lê Hoàng Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô 2 CN1, Cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Phương pháp gián tiếp)*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thu yết số min	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	22,419,392,225	96,369,825,924
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	24,284,138,702	24,527,000,349
- Các khoản dự phòng	03	17,848,171,986	334,480,000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04 VI.4	765,018,088	446,845,307
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(12,534,612,670)	(55,004,178,680)
- Chi phí lãi vay	06 VI.4	104,225,375,395	62,897,230,212
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	157,007,483,726	129,571,203,112
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(71,519,539,345)	(108,135,563,102)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(90,113,789,067)	(72,826,056,512)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	6,886,249,342	47,965,161,351
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1,141,442,212)	(2,311,605,807)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(102,198,798,032)	(53,876,925,372)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14 V.23	(10,516,461,739)	(17,411,843,574)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	4,210,575,504	68,262,376
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(419,243,891)	(4,888,766,806)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(107,804,965,714)	(81,846,134,334)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(25,131,368,380)	(30,297,601,756)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	10,559,731,586	4,844,362,354
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(51,000,000,000)	(9,700,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	45,700,000,000	13,700,000,000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(187,272,780,098)	(52,500,800,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	46,604,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chi	27	8,073,815,424	8,762,808,738
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(199,070,601,468)	(18,587,230,664)

Chợ quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thu yết	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	17,107,230,000	162,709,488,652
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(7,530,045,000)	(2,446,724,000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1,429,642,916,771	1,139,832,242,898
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1,134,987,881,964)	(1,088,111,426,375)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(392,000,000)	(2,721,000,000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(36,661,155,030)	(45,000,000,000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>267,179,064,777</i>	<i>164,262,581,175</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(39,696,502,405)	63,829,216,177
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	82,723,564,103	18,985,607,098
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	96,259,628	(91,160,172)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 V.1	43,123,321,326	82,723,663,103

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quỳnh

Nguyễn Thị Quỳnh

Kế toán trưởng

Trần Thị Thu

Trần Thị Thu

Lập ngày 25 tháng 01 năm 2012

Tổng giám đốc



Lê Hoàng Hà

Lê Hoàng Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại
- Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ** : Sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp như bồn chứa nước, chậu rửa và bình năng lượng Thái Dương năng, ống công nghiệp, ống trang trí.
- Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty có 662 nhân viên đang làm việc.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
- Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 42
Máy móc và thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07

6. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính được công bố tại thuyết minh số IV.5.

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 48 năm theo thời gian giao đất.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi phí xây dựng các showroom, chi phí sửa chữa tài sản

Được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng, tư vấn bảo lãnh phát hành trái phiếu

Chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng, chi phí tư vấn bảo lãnh phát hành trái phiếu được phân bổ theo thời hạn quy định trên hợp đồng thuê tài sản và thời hạn phát hành trái phiếu.

11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

12. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty có thực hiện đánh giá lại số dư đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	131.505.239	363.049.016
Tiền gửi ngân hàng	13.306.181.087	42.360.515.087
Tiền đang chuyển	585.635.000	
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i>)	29.100.000.000	40.000.000.000
Cộng	43.123.321.326	82.723.564.103

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<i>Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn (Công ty niêm yết)</i>	1.333.790	26.405.589.786		30.489.858.000
- DZM			70.300	1.736.410.000
- HSG	110.000	2.178.000.000	119.150	2.359.170.000
- HUT	98.000	1.967.358.845	90.000	1.800.000.000
- KDC	0	0	20.400	1.030.200.000
- OGC	12.000	265.000.000	20.000	490.000.000
- PET	217.290	3.954.678.000	217.290	3.954.678.000
- PVX	610.000	12.824.352.941	612.000	12.866.400.000
- TBC	44.500	605.200.000	130.000	1.768.000.000
- VND	230.000	4.485.000.000	230.000	4.485.000.000
- HPC	12.000	126.000.000		
<i>Đầu tư ngắn hạn khác</i>		0		9.700.000.000
Cho Công ty Cổ phần Minh Ngọc vay với lãi suất 17%/tháng/năm		0		6.700.000.000
Cho Công ty Cổ phần Năng lượng Sơn Hà vay		0		3.000.000.000
Cộng		26.405.589.786		40.189.858.000

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn là dự phòng giảm giá các cổ phiếu, tình hình biến động như sau:

	Kỳ này
Số đầu năm	334.480.000
Trích lập dự phòng bổ sung	15.683.229.786
Số cuối kỳ	16.017.709.786

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng	356.498.379.218	285.681.491.114
Trả trước cho người bán	7.941.063.318	25.122.835.406
Cộng	<u>364.439.442.536</u>	<u>310.804.326.520</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ tức và lợi nhuận được chia	7.367.939.072	10.451.139.072
Phải thu lãi tiền vay	3.553.623.887	100.913.889
Phải thu tiền ủy thác đầu tư	0	2.000.000.000
Thuế GTGT của TSCĐ thuê tài chính	197.592.746	109.498.333
Các khoản phải thu khác	413.535.570	320.810.838
Cộng	<u>11.532.691.275</u>	<u>12.982.362.132</u>

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	(2.164.942.200)	0
Cộng	<u>(2.164.942.200)</u>	<u>0</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	27.883.785.630	38.105.924.625
Nguyên liệu, vật liệu	159.306.517.692	101.036.309.248
Công cụ, dụng cụ	5.252.944.520	6.082.680.731
Thành phẩm	114.806.685.573	71.435.224.027
Hàng hóa	1.508.947.839	1.984.953.556
Cộng	<u>308.758.881.254</u>	<u>218.645.092.187</u>

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hiểm	287.198.272	215.213.440
Chi phí lắp biển quảng cáo	1.437.744.872	451.921.660
Chi phí công cụ, dụng cụ	880.257.509	1.087.744.145
Chi phí khác	175.752.142	303.450.202
Cộng	<u>2.780.952.795</u>	<u>2.058.329.447</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	86.699.928.370	47.285.992.629
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.471.652.334	9.396.560.926
Tài sản thiếu chờ xử lý	17.413.570	
Cộng	91.188.994.274	56.682.553.555

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	65.175.057.213	148.939.878.464	31.158.022.702	5.259.209.336	250.532.167.715
Tăng do mua sắm mới		16.595.830.221	576.232.727	1.528.695.859	18.700.758.807
ĐTưXDCB hoàn thành	5.307.906.045				5.307.906.045
Giảm do thanh lý, nhượng bán	(8.436.669.524)	(749.541.457)	(725.666.667)		(9.911.877.648)
Số cuối kỳ	62.046.293.734	164.786.167.228	31.008.588.762	6.787.905.195	264.628.954.919
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		14.754.670.355	986.455.734	873.674.745	16.614.800.834
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	5.809.142.875	54.209.028.309	5.811.382.135	1.579.646.989	67.409.200.308
Khấu hao trong kỳ	1.452.099.714	17.237.471.027	3.207.871.587	872.285.492	22.769.727.820
Giảm do thanh lý, nhượng bán	(2.258.596.990)	(317.991.688)	(528.404.768)		(3.104.993.446)
Số cuối kỳ	5.002.645.599	71.128.507.648	8.490.848.954	2.451.932.481	87.073.934.682
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	59.365.914.338	94.730.850.155	25.346.640.567	3.679.562.347	183.122.967.407
Số cuối kỳ	57.043.648.135	93.657.659.580	22.517.739.808	4.335.972.714	177.555.020.237

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

11. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	6.293.514.270		6.293.514.270
Thuê tài chính trong kỳ		2.057.313.274	2.057.313.274
Giảm trong kỳ			
Số cuối kỳ	6.293.514.270	2.057.313.274	8.350.827.544
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	960.663.323		960.663.323
Khấu hao trong kỳ	671.130.648	120.009.946	791.140.594
Giảm trong kỳ			
Số cuối kỳ	1.631.793.971	120.009.946	1.751.803.917
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	5.332.850.947		5.332.850.947
Số cuối kỳ	4.661.720.299	1.937.303.328	6.599.023.627

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	16.702.915.670	2.116.982.513	18.819.898.183
Tăng trong kỳ			
Giảm do thanh lý, nhượng bán	(3.123.106.679)		(3.123.106.679)
Số cuối kỳ	13.579.808.991	2.116.982.513	15.696.791.504
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.179.769.637	719.729.775	1.899.499.412
Khấu hao trong kỳ	288.932.112	434.338.176	723.270.288
Giảm do thanh lý, nhượng bán	(378.346.543)		(378.346.543)
Số cuối kỳ	1.090.355.206	1.154.067.951	2.244.423.157
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	15.523.146.033	1.397.252.738	16.920.398.771
Số cuối kỳ	12.489.453.785	962.914.562	13.452.368.347

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi phí phần mềm chăm công		633.000.000		633.000.000
Máy ủ băng		538.317.000	538.317.000	
Hệ thống máy hút bụi		314.342.000	314.342.000	
Máy lọc ống		60.577.845	60.577.845	
Máy đánh bóng ống		627.087.591	627.087.591	
Con lăn tạo hình ống		291.868.687	116.770.885	175.097.802
Máy bơm thủy lực		49.500.000		49.500.000
Công trình mở rộng xưởng sx		2.797.098.025	2.797.098.025	
Máy ép đê xê		6.605.212		6.605.212
Máy in 12m		209.757.514		209.757.514
Các công trình khác		48.743.000		48.743.000
Cộng		5.576.896.874	4.454.193.346	1.122.703.528

14. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	4.080.000	40.800.000.000	4.080.000	40.800.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và KDTM VINACONEX	4.547.647	111.417.351.500		
	8.627.647	152.217.351.500		

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty đã góp vốn vào Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn 40.8 tỷ chiếm 51% vốn điều lệ của Công ty con.

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty đã góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư và kinh doanh Thương Mại Vinaconex 111.417 tỷ chiếm 75.8 % vốn điều lệ của Công ty con.

15. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng ⁽ⁱ⁾	1.500.000	15.000.000.000	1.500.000	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Sơn Hà ⁽ⁱⁱ⁾	968.200	9.682.000.000		
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Thăng Long ⁽ⁱⁱⁱ⁾		13.770.000.000		
Cộng		38.452.000.000		15.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0103003387 ngày 12 tháng 4 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng 15.000.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ. Tại thời điểm ngày 31/12/2011 Công ty đã góp đủ: 15.000.000.000 VND. Trong đó, vốn đầu tư của Sơn Hà là 50% và vốn nhận ủy thác đầu tư là 50% (xem thêm thuyết minh V.21)
- (ii) Trong năm Công ty đã mua thêm cổ phiếu của Công ty Cổ phần Năng lượng Sơn Hà. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 968.200 cổ phiếu, tương đương 48% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Năng lượng Sơn Hà.
- (iii) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Thăng Long được ủy thác cho ông Lê Vĩnh Sơn và Lê Hoàng Hà theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị ngày 04 tháng 01 năm 2011. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2011, giá trị khoản đầu tư là 13,77 tỷ đồng bao gồm: Tiền mua quyền góp vốn 9.000.000 cổ phần với giá 13,5 tỷ đồng và tiền góp vốn đợt 1 là 0,27 tỷ đồng.

16. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào đơn vị khác		38.410.000.000		16.020.000.000
Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị ^(a)		12.500.000.000		5.000.000.000
Công ty Bất động sản Havico		2.710.000.000		2.710.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Thăng Long				6.000.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Sơn Hà			231.000	2.310.000.000
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Minh Ngọc ^(b1)		21.450.000.000		
Công ty CP Đầu Tư Reenco Sông Hồng ^(b2)		1.750.000.000		
Cho vay dài hạn		45.013.428.598		
<i>Cho vay dài hạn Công ty cổ phần đầu tư phát triển đô thị Kiến Hưng.</i>		15.000.000.000		
<i>Cho vay dài hạn theo hợp đồng thanh toán công nợ cho Công ty CP Đầu Tư và kinh doanh TM Vinaconex</i>		30.013.428.598		
Cộng		83.423.428.598		16.020.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (a) Hợp đồng hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh số 01/HĐHTĐTXD&KD về việc Hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh Hạ tầng kỹ thuật dự án “Khu nhà ở cao cấp và dịch vụ du lịch Đà Lạt Paradise Garden” giữa Tổng công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hợp Phú và Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà, vốn góp dự kiến của dự án là 50 tỷ trong đó Sơn Hà góp 25%, tương đương 12,5 tỷ. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã góp đủ số vốn theo cam kết trong đó vốn đầu tư của Sơn Hà là 9 tỷ và vốn nhận ủy thác đầu tư là 3.5 tỷ.
- (b1,b2) Khoản đầu tư theo Hợp đồng hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh số 11/1011/HĐHTĐT ngày 24 tháng 01 năm 2011 giữa Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng, Công ty Cổ phần Đầu tư Reenco Sông Hồng, Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà và Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Ngọc về việc hợp tác đầu tư vào dự án “tổ hợp công trình đa chức năng Sông Hồng Tower”. Tổng vốn góp dự kiến là 240 tỷ đồng, trong đó Công ty góp trực tiếp 35%. Tính đến 31 tháng 12 năm 2011 công ty đã góp 1.75 tỷ theo tiến độ hợp đồng và ủy thác cho Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Ngọc mua 19% quyền góp vốn vào dự án theo Hợp đồng ủy quyền đầu tư vốn số 02/2011/HDUT/MINHNGOC - SONHA ngày 05 tháng 01 năm 2011. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2011, giá trị khoản đầu tư cho Công ty Minh Ngọc là 21,45 tỷ đồng gồm: Tiền mua 19% quyền góp vốn vào dự án với giá 20,5 tỷ đồng và tiền góp vốn đợt 1 tương ứng với 19% là 0,95 tỷ đồng..

17. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Phân bổ vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng	785.490.065	622.154.933	739.901.314	667.743.684
Công cụ dụng cụ	1.678.160.118	3.161.965.935	1.792.990.558	3.047.135.495
Chi phí marketing và nghiên cứu thị trường	50.049.123		50.049.123	
Phí bảo hiểm tài sản	167.447.869	5.571.356	169.769.269	3.249.956
Chi phí xây dựng các showroom	59.980.470		45.955.486	14.024.984
Chi phí sửa chữa tài sản	929.729.491	696.848.820	693.787.347	932.790.964
Bảo lãnh phát hành trái phiếu	2.129.480.276		858.333.360	1.271.146.916
Các chi phí khác	32.535.660	479.899.802	196.835.525	315.599.937
Cộng	5.832.873.072	4.966.440.846	4.547.621.982	6.251.691.936

18. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	667.879.124.573	338.327.738.021
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	114.280.631.574	88.195.321.954
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	34.605.783.657	37.361.196.372
Ngân hàng TMCP Hàng hải	174.086.253.785	130.326.339.430
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình	47.604.874.792	
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	56.677.416.568	39.612.350.385
Ngân hàng Công thương - Chi nhánh Chương Dương	148.564.953.348	42.832.529.880

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Nam Việt	107.317.992.574	
Vay dài hạn đến hạn trả	62.778.928.799	36.703.048.794
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	424.500.000	1.224.000.000
Cộng	<u>746.341.335.097</u>	<u>376.254.786.815</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	<u>Vay ngắn hạn</u>	<u>Vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Nợ thuê tài chính đến hạn trả</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	338.327.738.021	36.703.048.794	1.224.000.000	376.254.786.815
Số tiền vay phát sinh trong năm	1.420.751.687.021			1.420.751.687.021
Số kết chuyển		70.582.472.447	237.000.000	70.819.472.447
Tăng do hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	4.600.887.978			4.600.887.978
Số tiền vay đã trả trong năm	(1.080.542.406.722)	(44.506.592.442)	(1.036.500.000)	(1.126.085.499.164)
Số cuối năm	<u>683.137.906.298</u>	<u>62.778.928.799</u>	<u>424.500.000</u>	<u>746.341.335.097</u>

19. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người bán	82.009.453.224	79.987.869.226
Người mua trả tiền trước	607.338.915	176.049.110
Cộng	<u>82.616.792.139</u>	<u>80.163.918.336</u>

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	38.571.608	4.396.092.755	97.559.148	4.337.105.215
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	2.646.694.468	90.463.548.585	90.411.016.182	2.699.226.871
Thuế xuất, nhập khẩu	21.526.629	715.951.235	702.688.272	34.789.592
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.783.777.741	4.811.765.869	10.633.851.193	(1.038.307.583)
Thuế thu nhập cá nhân	10.344.515	236.372.202	213.143.099	33.573.618
Tiền thuê đất	129.807.642	586.819.509	716.627.151	
Các loại thuế khác	404.868.200		404.868.200	
Cộng	<u>8.035.590.803</u>	<u>102.125.711.596</u>	<u>103.179.753.245</u>	<u>6.066.387.713</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

<i>Trong đó:</i>	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	7.104.695.296	8.158.736.945
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	(1.038.307.583)	(123.146.142)
Cộng	6.066.387.713	8.035.590.803

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

Hàng hóa xuất khẩu	0%
Hàng hóa trong nước	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	22.419.392.225	96.369.726.924
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(3.172.328.719)	(28.569.752.061)
- Các khoản điều chỉnh tăng- lỗ của chi nhánh	145.895.553	15.658.379
- Các khoản điều chỉnh tăng – chi phí không hợp lý, hợp lệ	883.874.434	2.912.390.048
- Các khoản điều chỉnh tăng - Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm	297.500.294	
- Các khoản điều chỉnh giảm – Lỗ chênh lệch tỷ giá.		(136.661.416)
- Các khoản điều chỉnh giảm -cổ tức, lợi nhuận được chia	(4.499.599.000)	(31.361.139.072)
Thu nhập tính thuế	19.247.063.506	67.799.974.863
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	4.811.765.869	16.949.993.716
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ trước		229.507.949
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	4.811.765.869	17.179.501.665

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất theo 2 hợp đồng: Hợp đồng thuê đất số 98-2005/TNMTNĐ-HĐTĐTN ngày 07 tháng 7 năm 2005 diện tích 8.793 m² đất tại lô CN1 cụm công nghiệp tập trung vừa và nhỏ xã Minh Khai, huyện Từ Liêm, Hà Nội. Và hợp đồng thuê đất số 06 HD/TĐ ngày 14 tháng 1 năm 2008 diện tích 44.800 m² tại cụm công nghiệp thị trấn Phùng - huyện Đan Phượng - tỉnh Hà Tây.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

21. Chi phí phải trả

Là chi phí lãi vay phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	11.046.882.203	9.020.304.840
Cộng	<u>11.046.882.203</u>	<u>9.020.304.840</u>

22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	15.828.327	38.783.134
Kinh phí công đoàn	551.680.545	761.875.063
Nhận ủy thác đầu tư vào dự án Kiến Hưng, Đà Lạt	13.200.000.000	9.050.000.000
Tiền phạt vi phạm thuế		1.741.503.573
Phải trả khác	529.567.500	448.587.033
Cộng	<u>14.297.076.372</u>	<u>12.040.748.803</u>

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Kỳ này</u>
Số đầu năm	388.508.927
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	4.259.507.447
Tăng khác	50.685.000
Chi quỹ	
Số cuối kỳ	<u>4.698.701.374</u>

24. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	<u>16.405.538.617</u>	<u>36.773.573.026</u>
Ngân hàng Công thương Chương Dương ^(a)	0	7.379.043.648
Ngân hàng TMCP Hàng Hải ^(b)	0	10.581.681.180
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sơ Giao dịch 1 ^(c)	1.081.918.713	3.481.918.712
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam ^(d)	3.181.411.302	6.139.195.302
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP.Hồ Chí Minh ^(e)	0	1.709.843.580
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sơ Giao dịch ^(f)	12.142.208.602	7.481.890.604
Nợ dài hạn	<u>1.786.651.814</u>	<u>1.876.224.814</u>
Công ty cho thuê tài chính – Ngân hàng Công thương Việt Nam	1.786.651.814	1.876.224.814

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trái phiếu	50.000.000.000	100.000.000.000
Trái phiếu không có bảo đảm		
- Trái phiếu Công ty thời hạn 3 năm ^(g)	50.000.000.000	50.000.000.000
- Trái phiếu Công ty thời hạn 2 năm ^(h)	0	50.000.000.000
Cộng	68.192.190.431	138.649.797.840

- (a) Khoản vay Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Công thương Chương Dương để thanh toán tiền chuyển nhượng hạ tầng, thanh toán chi phí đầu tư xây dựng nhà xưởng và vật kiến trúc gắn liền với đất theo dự án "Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất inox" của Công ty tại cụm công nghiệp Phùng theo hợp đồng tín dụng số 01/HĐT/NHCTKVCD_SONHA ngày 25 tháng 08 năm 2006 trong thời hạn 65 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay. Tính đến 31 tháng 12 năm 2011, công ty đã thanh toán hết số nợ dài hạn của ngân hàng này.
- (b) Vay ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam theo 2 hợp đồng vay số 75/09/LB ngày 19/11/2009 và hợp đồng vay số 75/09/LB ngày 19 tháng 11 năm 2009 để hoàn vốn đầu tư xây dựng tòa nhà văn phòng Công ty. Khoản vay sẽ đáo hạn trong năm 2012 và được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay, nhà xưởng sản xuất tại Diễn, máy móc thiết bị, ô tô phục vụ sản xuất tại khu công nghiệp Phùng và cụm công nghiệp Từ Liêm giá trị 15,5 tỷ VND.
- (c) Vay ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Sở giao dịch 1 theo hợp đồng số 147831/HĐTD/TH ngày 20 tháng 5 năm 2009, tổng số tiền vay là 9,6 VND tỷ, thời hạn vay 56 tháng với lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của BIDV + 3,5%/năm, mục đích để thanh toán tiền mua MMTB thuộc dự án nâng cao năng lực sản xuất và tối ưu hóa công suất dây chuyền sản xuất tại Khu công nghiệp Phùng. Khoản vay được đảm bảo bằng máy móc thiết bị nhập khẩu và mua trong nước trị giá 12,93 tỷ VND.
- (d) Vay ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam theo 3 hợp đồng tín dụng Hợp đồng 5897/HĐTD/TH-PN/TCB-HKM ngày 17/09/2009, Hợp đồng 6028/HĐTD/TH-PN/TCB-HKM ngày 16 tháng 10 năm 2009 và Hợp đồng tín dụng số 7065/HĐTD/SME-DN/TCB-HKM ngày 14 tháng 12 năm 2010 để mua máy móc thiết bị và phương tiện vận chuyển. Khoản vay này được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (e) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Nhà thành phố Hồ Chí Minh để thanh toán LC nhập máy móc thiết bị theo hợp đồng tín dụng số 042/07 ngày 28 tháng 9 năm 2007 trong thời gian 54 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay là toàn bộ máy móc thiết bị mua về.
- (f) Vay ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng tín dụng 01/HĐTD-2010/SONHA-VCB để đầu tư máy móc thiết bị phục vụ sản xuất. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay là toàn bộ máy móc thiết bị đầu tư.
- (g) Trái phiếu công ty không có bảo đảm phát hành cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình với tư cách là đại lý Đăng ký lưu ký, thời hạn 03 năm đáo hạn ngày 27 tháng 5 năm 2013. Lãi suất huy động năm đầu tiên là 16,25% và 02 năm tiếp theo bằng lãi suất huy động VND kỳ hạn 12 tháng trả sau của BIDV, Vietcombank, Vietinbank và Argibank cộng biên độ 4,5%. Lãi trả hàng năm, gốc trả 1 lần vào ngày đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (b) Trái phiếu công ty phát hành cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh Thanh Xuân với tư cách là đại lý quản lý các tài khoản để Đầu tư sản xuất thép không gỉ cán nguội và ống thép Inox công nghiệp tại Cụm công nghiệp Phùng, thời hạn 02 năm đáo hạn ngày 09 tháng 08 năm 2012. Lãi suất huy động năm đầu tiên là 16% và năm tiếp theo bằng lãi suất huy động VND kỳ hạn 12 tháng trả sau của Vietinbank cộng biên độ 5%. Lãi trả 6 tháng một lần, gốc trả 1 lần vào ngày đáo hạn.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống		
Trên 1 năm đến 5 năm	68.192.190.431	138.649.797.840
Trên 5 năm		
Tổng nợ	<u>68.192.190.431</u>	<u>138.649.797.840</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

	<u>Vay dài hạn ngân hàng</u>	<u>Thuê tài chính</u>	<u>Trái phiếu không có bảo đảm</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	36.773.573.026	1.876.224.814	100.000.000.000	138.649.797.840
Số tiền vay phát sinh	7.690.302.749	2.237.427.000		9.927.729.749
Tăng do CLTG	765.018.088			765.018.088
Số tiền vay đã trả	(376.275.900)	(392.000.000)	(9.600.000.000)	(10.368.275.900)
Số kết chuyển	(28.484.472.447)	(1.935.000.000)	(40.400.000.000)	(70.819.472.447)
Giảm do CLTG	(37.393.100)			(37.393.100)
Số cuối năm	<u>16.405.538.617</u>	<u>1.786.651.814</u>	<u>50.000.000.000</u>	<u>68.192.190.431</u>

25. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký cược, ký quỹ dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

26. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	250.000.000.000	69.047.988.652	(2.446.724.000)	5.108.980.903	1.425.236.659	712.618.330	69.162.443.668	393.010.544.212
Mua cổ phiếu quỹ			(7.530.045.000)					(7.530.045.000)
Lợi nhuận trong năm nay							17.607.626.356	17.607.626.356
Trích lập các quỹ trong năm nay					2.765.878.438	1.382.939.219	(8.408.325.104)	(4.259.507.447)
Chi thù lao hội đồng quản trị							(492.000.000)	(492.000.000)
Chia cổ tức năm nay	17.107.230.000						(36.661.155.030)	(19.553.925.030)
Hoàn nhập lại chênh lệch tỷ giá				(4.811.480.609)				(4.811.480.609)
Số dư cuối năm nay	267.107.230.000	69.047.988.652	(9.976.769.000)	297.500.294	4.191.115.097	2.095.557.549	41.208.589.890	373.971.212.482

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư	267.107.230.000	250.000.000.000
Ông Lê Vĩnh Sơn	61.267.020.000	53.360.000.000
Ông Lê Hoàng Hà	48.150.000.000	45.000.000.000
Ông Lê Văn Nga	25.680.000.000	24.000.000.000
Cổ đông khác	132.010.210.000	127.640.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	69.047.988.652	69.047.988.652
Cổ phiếu quỹ	(9.976.769.000)	(2.446.724.000)
Cộng	<u>326.178.449.652</u>	<u>316.601.264.652</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.000.000	25.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	25.000.000	25.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	25.000.000	25.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	559.230	126.710
- Cổ phiếu phổ thông	559.230	126.710
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu chia cổ tức	1.706.991	
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.147.761	24.873.290
- Cổ phiếu phổ thông	26.147.761	24.873.290
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tổng doanh thu	541.643.486.420	495.919.400.256
- Doanh thu bán hàng hóa	39.594.582.925	67.648.200.038
- Doanh thu bán thành phẩm	501.350.687.959	425.249.934.087
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	698.215.536	3.021.266.131
Các khoản giảm trừ doanh thu:	1.039.661.176	
- Chiết khấu thương mại	71.850.000	
- Giảm giá hàng bán	545.350.275	
- Hàng bán bị trả lại	422.460.901	
Doanh thu thuần	540.603.825.244	495.919.400.256
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	39.594.582.925	67.648.200.038
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	500.311.026.783	425.249.934.087
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	598.272.860	3.021.266.131

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	29.735.020.283	48.436.313.518
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	449.549.653.577	390.306.658.397
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	58.574.246	
Cộng	479.343.248.106	438.742.971.915

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2,492,611,690	353,661,184
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	0	100,913,889
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3,936,800,000	31,361,139,072
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2,428,858,347	2,824,191,269
Lãi thanh lý công ty con	0	5,733,000,000
Cộng	8,858,270,037	40,372,905,414

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí lãi vay	39.959.102.357	16.549.858.838
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		446.845.307
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.874.820.034	2.579.952.269
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	5.383.137.353	
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn		334.480.000
Chi phí tài chính khác	280.852.582	1.719.713.116
Cộng	49.497.912.326	21.630.849.530

5. Chi phí bán hàng

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nhân viên	3.224.226.411	2.750.276.152
Chi phí vật liệu, bao bì	284.098.038	124.605.223
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	58.788.983	22.613.531
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.168.076.226	7.733.530.621
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.613.990.920	4.591.442.345
Chi phí bằng tiền khác	2.639.107.241	4.176.056.522
Cộng	12.988.287.819	19.398.524.394

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	2.082.447.178	1.237.378.646
Chi phí vật liệu quản lý	561.583.004	930.820.822
Chi phí đồ dùng văn phòng		78.270.108
Chi phí khấu hao TSCĐ	916.748.013	1.099.947.918
Thuế, phí và lệ phí	6.337.885	60.288.353
Chi phí dự phòng	2.164.942.180	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.018.158.382	1.872.666.602
Chi phí bằng tiền khác	1.629.366.838	1.118.357.056
Cộng	9.379.583.480	6.397.729.505

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý IV năm tài chính 2011, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi thanh lý vật tư	29.636.363	263.523.868
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	199.013.610	
Thu nhập từ chênh lệch đánh giá lại tài sản	20.669.813	
Thu nhập khác	18.853.546	30.067.422
Cộng	268.173.332	293.591.290

8. Chi phí khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Tiền phạt do trả chậm	3 000 000	
Thuế bị phạt, bị truy thu		2.163.952.485
Chi phí khác	624.674	31.409.062
Cộng	3.624.674	2.195.361.547

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chi tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quỳnh

Kế toán trưởng

Trần Thị Thu

Lập, ngày 25 tháng 01 năm 2012

Tổng Giám đốc



Lê Hoàng Hà